Sao y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; 27/06/2025 18:4:57

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 258 /NQ-HĐND	*Quảng Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Qua xem xét Tờ trình số 1423/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục 41 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung danh mục 35 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025, với diện tích 1.842,35 ha, bao gồm: 398,68 ha đất trồng lúa; 0,49 ha đất rừng phòng hộ; 963,87 ha đất rừng sản xuất và 479,31 ha các loại đất khác. Trong đó:

- Danh mục 17 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 1.800,86 ha, bao gồm: 397,31 ha đất trồng lúa; 0,49 ha đất rừng phòng hộ; 926,22 ha đất rừng sản xuất và 476,84 ha các loại đất khác.

- Danh mục 01 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 0,02 ha, lấy từ các loại đất khác.

- Danh mục 17 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 41,47 ha, bao gồm: 1,37 ha đất trồng lúa; 37,65 ha đất rừng sản xuất và 2,45 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh danh mục 06 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024. Trong đó:

- Tổng diện tích đất trước điều chỉnh là 33,45 ha, bao gồm 8,37 ha đất rừng sản xuất và 25,08 ha các loại đất khác.

- Tổng diện tích đất sau điều chỉnh là 33,81 ha, bao gồm 13,57 ha đất rừng sản xuất và 20,24 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo và Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Trần Hải Châu

Phụ lục 1

BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 258 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT				**1,800.86**	**397.31**	**0.49**	**926.22**	**476.84**
1	Khu đô thị hỗn hợp phía Tây sông Lệ Kỳ	Quán Hàu, Vĩnh Ninh, Đức Ninh	Quảng Ninh, Đồng Hới	**291.93**	179.86		1.88	110.19
2	Khu đô thị phía Nam Đồng Hới	Quán Hàu	Quảng Ninh	**13.69**				13.69
3	Nâng cấp, tôn tạo Di tích lịch sử nơi hi sinh của 16 TNXP bến phà Long Đại 2, tháng 9 năm 1972	Hiền Ninh	Quảng Ninh	**0.85**			0.30	0.55
4	Khu đô thị hỗn hợp trung tâm thành phố Đồng Hới	Bắc Lý, Đồng Phú, Lộc Ninh	Đồng Hới	**212.23**	173.88			38.35
5	Khu đô thị hỗn hợp ven biển Nhật Lệ	Lý Nam, Nhân Trạch, Quang Phú, Lộc Ninh	Bố Trạch, Đồng Hới	**292.76**	21.46	0.49	77.25	193.56
6	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (Đợt 2)	Bắc Lý	Đồng Hới	**0.42**			0.20	0.22
7	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các đường dây 110kV tỉnh Quảng Bình	Tây Trạch, Vạn Trạch, Lý Nam, Sơn Lộc	Bố Trạch	**0.11**			0.03	0.08
8	Khu dân cư nông thôn Đại Trung	Trung Trạch; Đại Trạch	Bố Trạch	**14.28**	10.09			4.19
9	Khu đô thị Đại Trạch 1	Nhân Trạch, Đại Trạch	Bố Trạch	**46.47**			7.71	38.76

10	Khu đô thị Đại Trạch 2	Nhân Trạch, Đại Trạch	Bố Trạch	**53.40**			27.65	25.75
11	Khu đô thị Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	**75.25**			27.30	47.95
12	Khu dân cư nông thôn Thanh Trạch 1	Thanh Trạch	Bố Trạch	**11.30**	8.55			2.75
13	Mỏ đá vôi xây dựng lèn Sầm, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Sơn Thủy	Lệ Thủy	**6.90**			6.90	
14	Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy, Hưng Thủy	Lệ Thủy	**503.00**			503.00	
15	Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngư Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Ngư Thủy, Hưng Thủy, Sen Thủy	Lệ Thủy	**274.00**			274.00	
16	Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn	Quảng Hoà, Quảng Văn	Ba Đồn	**4.19**	3.44			0.75
17	Công trình xử lý hệ thống đường dây 500kV Vũng Áng - Đà Nẵng (khoảng cột 1015-1016) và đường dây 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh (khoảng cột 701-702) thuộc dự án thành phần 1: ĐTXD Quốc lộ 12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Quảng Phương, Quảng Long	Quảng Trạch, Ba Đồn	**0.08**	0.03			0.05
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				**0.02**				**0.02**
1	Nâng cao khả năng vận hành đường dây 110kV khu vực tỉnh Quảng Bình năm 2023	Đại Trạch	Bố Trạch	0.02				0.02
C. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT				**41.47**	**1.37**		**37.65**	**2.45**
1	Chốt chiến đấu dân quân thường trực Lâm Thuỷ	Lâm Thuỷ	Lệ Thuỷ	**3.50**			3.50	
2	Bố trí tái định cư cho bà Nguyễn Thị Lý tại dự án đường dây 500KV mạch 2 Đà Nẵng - Hà Tĩnh	Thị trấn Lệ Ninh	Lệ Thủy	**0.05**	0.04			0.01

3	Dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao Nguyên Khánh	Thanh Thuỷ	Lệ Thuỷ	**3.90**			3.90	
4	Dự án Trung tâm kinh doanh, trưng bày và giới thiệu sản phẩm Máy nông nghiệp công nghệ cao và đồ nội thất, xây dựng cao cấp	Kiến Giang	Lệ Thuỷ	**0.18**	0.16			0.02
5	Khu nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại xã Ngư Thủy Bắc	Ngư Thuỷ Bắc	Lệ Thuỷ	**24.69**			24.69	
6	Khu trang trại hỗn hợp Thành Vinh	Hưng Thuỷ	Lệ Thuỷ	**3.45**			1.05	2.40
7	Trung tâm dịch vụ bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng	Đồng Phú	Đồng Hới	**0.04**	0.04			
8	Trường Mầm non Kodomo School	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	**0.24**	0.23			0.01
9	Trang trại tổng hợp Nguyễn Cường	An Ninh	Quảng Ninh	**1.83**			1.83	
10	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng của Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	**1.50**			1.50	
11	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Trường Xuân	Quảng Ninh	**0.44**			0.44	
12	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Trung Trạch	Bố Trạch	**0.08**	0.08			
13	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại đô thị *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Quảng Long	Ba Đồn	**0.02**	0.02			
14	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Quảng Minh	Ba Đồn	**0.05**	0.05			
15	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại đô thị *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Đồng Sơn	Đồng Hới	**0.57**			0.57	
16	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn *(Chi tiết có danh sách đính kèm)*	Lộc Ninh	Đồng Hới	**0.17**			0.17	
17	Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ tổng hợp, của Hợp tác xã dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mùi	Liên Trường	Quảng Trạch	**0.76**	0.75			0.01
	Tổng (A+B+C)			**1,842.35**	**398.68**	**0.49**	**963.87**	**479.31**

Ghi chú: 35 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 258 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác	
1	Khu đô thị cao cấp Quán Hàu	Đã phê duyệt	Quán Hàu	Quảng Ninh	16.82				16.82	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quán Hàu, Võ Ninh	Quảng Ninh	16.84				16.84	
2	Quảng trường biển huyện Quảng Ninh	Đã phê duyệt	Hải Ninh	Quảng Ninh	3.20			2.20	1.00	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện Quảng Ninh điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình Quảng trường biển huyện Quảng Ninh
		Nay điều chỉnh			3.25			2.25	1.00	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư đô thị Dinh Mười (các lô OM44 và OM 411)- giai đoạn 2	Đã phê duyệt	Gia Ninh	Quảng Ninh	3.00			1.00	2.00	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Võ Ninh							
4	Hạ tầng kỹ thuật tuyến Đường D1 Đô thị Dinh Mười	Đã phê duyệt	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	5.05			4.59	0.46	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh			5.10			5.10		
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc TDP Trường Sơn, phường Quảng Long	Đã phê duyệt	Quảng Long	Ba Đồn	4.80				4.80	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh			4.80			4.40	0.40	
6	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng (gỗ xẻ)	Đã phê duyệt	Trường Thuỷ	Lệ Thuỷ	0.58			0.58		Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh			0.82			0.82		
Tổng cộng: 06 dự án			Đã phê duyệt		**33.45**			**8.37**	**25.08**	
			Nay điều chỉnh		**33.81**			**13.57**	**20.24**	

DANH SÁCH

CHI TIẾT CÁC THỬA ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN KÈM THEO PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Nghị quyết số: 258 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Số Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (ha)	Loại đất hiện trạng	xã, phường, thị trấn	huyện, thị xã, thành phố
1	26	60	0.08	LUK	Trung Trạch	Bố Trạch
2	15	975	0.02	LUK	Quảng Long	Ba Đồn
3	3	355	0.05	LUK	Quảng Minh	Ba Đồn
4	8	122	0.06	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
5	8	123	0.1	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
6	8	124	0.06	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
7	8	125	0.1	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
8	15	1831	0.06	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
9	15	1832	0.06	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
10	15	1833	0.06	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
11	15	1834	0.07	RSX	Lộc Ninh	Đồng Hới
12	27	134	0.1	RSX	Đồng Sơn	Đồng Hới
13	27	179	0.07	RSX	Đồng Sơn	Đồng Hới
14	39	583	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
15	39	613	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
16	12	259	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
17	12	240	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
18	12	260	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
19	39	23	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
20	39	75	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
21	37	619	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
22	37	541	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
23	38	646	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
24	39	650	0.04	RSX	Trường Xuân	Quảng Ninh
Tổng (24 thửa đất)			**1.33**			